

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST
Ngày: 06 – 5 – 2022
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất
(ranh giới).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Út
2. Ông Lê Minh Thật

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh giới)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Văn C, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Mai Viết S, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2. Ông Mai Viết S1, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Mai Thị T, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2. Ông Mai Thanh T, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

3. Bà Mai Hồng V, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

4. Bà Mai Thị D, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

5. Bà Mai Thị Đ, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Ông Tô Văn G, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

7. Bà Hà Thị Xuân A, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

8. Bà Đỗ Thị Kim H, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

9. Bà Trần Thị P, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Những người có mặt tại phiên tòa: Tô Văn C, Mai Viết S, Mai Viết S1, Hà Thị Xuân A.

- Những người vắng mặt tại phiên tòa: Mai Thị T, Mai Thanh T, Mai Hồng V, Mai Thị D, Mai Thị Đ, Tô Văn G, Đỗ Thị Kim H, Trần Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Tô Văn C trình bày:

Nguồn gốc phần đất ông đang sử dụng là của ông bà để lại cho mẹ ông, sau đó mẹ ông là cụ Đồng Thị Ch để lại cho ông sử dụng có diện tích 14.674m²; được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000107 ngày 01/12/1992 do cụ Đồng Thị Ch đứng tên. Sau khi cụ Ch chết, đến năm 2013 ông được thừa kế toàn bộ phần đất này. Phần đất ông đang sử dụng giáp ranh với đất của ông Mai

Viết S và ông Mai Viết S1; ranh đất giữa các bên không có trụ đá để xác định mốc giới, chỉ có bụi tre để xác định ranh nhưng hiện tại bụi tre không còn. Khi cụ Ch cho đất ông có chiều ngang sau giáp ruộng là 36m, chiều ngang trước giáp rạch Cái Nhum 60m. Quá trình sử dụng, ông S đắp bờ bao ruộng lấn chiếm qua phần đất ruộng của ông tại thửa 662 với chiều ngang 01m, chiều dài 120m. Còn phần đất vườn tại thửa 651 thì ông S lấn chiếm chiều ngang giáp rạch Cái Nhum là 03m, chiều dài 39m. Đối với phần đất vườn tại thửa 661 và 662 thì ông S1 cặm ranh lấn chiếm sang phần đất của ông chiều ngang đầu trên 1,5m, chiều ngang phía trước lộ 03m, chiều dài 242m. Sau khi đo đạc thực tế phần đất tranh chấp có diện tích 792,9m². Nay ông yêu cầu ông Mai Viết S và ông Mai Viết S1 trả lại phần đất đã lấn chiếm theo đo đạc thực tế diện tích 792,9m²; tọa lạc tại ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Mai Viết S trình bày:

Nguồn gốc đất ông đang sử dụng của cha mẹ ông là cụ Mai Huỳnh L và cụ Vương Thị B chết để lại cho ông sử dụng từ năm 1996 đến nay nhưng chưa tách quyền sử dụng đất; hiện đất còn đứng tên cụ Vương Thị B trên giấy chứng nhận. Phần đất ông sử dụng giáp ranh với đất ông Tô Văn C là phần đất ruộng có diện tích khoảng 2,1 công tầm 03m và phần đất vườn có diện tích khoảng 1,5 công tầm 03m. Năm 2009, khi cụ Ch còn sống thì gia đình ông C có tranh chấp ranh đất và đã được Ủy ban nhân dân xã VĐ hòa giải thành, hai bên thống nhất tiến hành cặm trụ đá để xác định ranh giới, hiện trụ đá vẫn còn. Quá trình sử dụng đất, ông không lấn ranh nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn C. Ông yêu cầu được sử dụng ổn định phần đất tranh chấp.

Bị đơn ông Mai Viết S1 trình bày:

Ông là anh ruột của ông Mai Viết S. Ông được cha mẹ cho và sử dụng đất từ năm 1990, phần đất có diện tích khoảng 4,2 công tầm 03m nhưng chưa tách quyền sử dụng đất; hiện đất còn đứng tên cụ Vương Thị B trên giấy chứng nhận. Phần đất ông sử dụng giáp ranh với đất ông Tô Văn C. Năm 2009, khi cụ Ch còn sống thì gia đình ông C có tranh chấp ranh đất và đã được Ủy ban nhân dân xã VĐ hòa giải thành, hai bên thống nhất tiến hành cặm trụ đá để xác định ranh giới, hiện tại trụ đá vẫn còn. Trên phần đất giáp ranh phía sau vườn ông có đào mương chiều ngang 01m, chiều dài hết đất của ông và trồng nhiều cây ăn trái. Quá trình sử dụng đất, ông không lấn ranh nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn C. Ông yêu cầu được sử dụng ổn định phần đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị T, ông Mai Thanh T, bà Mai Hồng V, bà Mai Thị D, bà Mai Thị Đ là anh chị ruột của bị đơn cùng thống nhất trình bày: Lúc cụ Vương Thị B còn sống đã phân chia đất cho các con xong nhưng chưa tách quyền sử dụng đất. Trong đó ông S, ông S1 được chia cho phần đất hiện đang sử dụng giáp ranh với ông C. Các anh chị em trong gia đình đều thống nhất với việc cha mẹ phân chia đất và không có ai tranh chấp gì. Phần ranh đất do ông S và ông S1 đang sử dụng, các ông bà thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bị đơn. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P là vợ ông Mai Viết S1 trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông Mai Viết S1. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Kim H là vợ ông Mai Viết S trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông Mai Viết S. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Xuân A là vợ ông Tô Văn C trình bày: Phần ranh giới này bắt đầu tranh chấp từ năm 2009 khi đó cụ Ch và cụ B vẫn còn sống, chính quyền địa phương lúc đó chưa giải quyết. Sau khi cụ Ch chết thì để đất lại cho ông C sử dụng; còn phía cụ B chết thì đất để lại cho ông S và ông S1 cùng sử dụng. Năm 2017, tiếp tục phát sinh tranh chấp với ông S và ông S1 cho đến nay. Về phần đất mà ông S và ông S1 lấn chiếm của gia đình bà thì bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông Tô Văn C. Yêu cầu ông S và ông S1 trả lại phần đất đã lấn chiếm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Văn G là anh ruột ông Tô Văn C trình bày: Lúc cụ Đồng Thị Ch còn sống, ông được cho phần đất thửa 651, ông đã sử dụng ổn định từ khi được cho đất đến nay. Tuy nhiên, chưa được tách quyền sử dụng đất còn trong giấy chứng nhận do cụ Ch đứng tên. Sau khi cụ Ch chết thì chuyển thừa kế toàn bộ cho ông Tô Văn C đứng tên. Đối với phần đất hiện đang tranh chấp thì ông không có yêu cầu gì trong vụ án. Nếu sau này có tranh chấp với ông C thì ông sẽ tự giải quyết với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự Mai Thị

T, Mai Thanh T, Mai Hồng V, Mai Thị D, Mai Thị Đ, Tô Văn G, Đỗ Thị Kim H, Trần Thị P vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

Về nội dung vụ án: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và các tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của các bên; đối chiếu với kết quả đo đạc thực tế thì đất nguyên đơn vẫn còn thừa 713,7m² trong khi đất bị đơn thiếu 1.400,4m². Quá trình sử dụng đất bị đơn không làm thay đổi hiện trạng mốc ranh giới. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ôn định cho các bị đơn được quyền sử dụng đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 792,9m²; đất tọa lạc tại ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Về án phí, chi phí tố tụng, buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Các đương sự tranh chấp với nhau về ranh giới đất liền kề mà các bên đang sử dụng chưa thống nhất. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh giới)”. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Thị T, Mai Thanh T, Mai Hồng V, Mai Thị D, Mai Thị Đ, Tô Văn G, Đỗ Thị Kim H, Trần Thị P vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nhưng vẫn đảm bảo quyền và nghĩa vụ hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Phần đất tranh chấp thể hiện tại vị trí (Ia), (Ib), (Ic) diện tích 792,9m² theo Mảnh trích đo địa chính số 96/SHC ngày 28/10/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tài nguyên và Môi trường Sông Hậu; đất tọa lạc tại ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Quá trình sử dụng đất ông Tô Văn C

cho rằng ông Mai Viết S, ông Mai Viết S1 lấn ranh nên yêu cầu phải trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 792,9m². Phần đất giáp ranh giữa hai bên đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi đo đạc thực tế các bên thống nhất với Mảnh trích đo địa chính về vị trí, kích thước, diện tích đất đã được đo vẽ và không phát sinh tranh chấp mốc ranh giới đối với thửa đất của những người đang sử dụng đất liền kề.

[3.2]. Về nguồn gốc, việc kê khai đăng ký và quá trình sử dụng đất:

Phần đất của ông Tô Văn C đang sử dụng có nguồn gốc là của cụ Đồng Thị Ch (cụ Ch là mẹ của ông C) để lại. Ngày 01/12/1992, cụ Ch được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ vào sổ cấp giấy 000107 tại các thửa 651, 661, 662 tổng diện tích 14.674m². Sau khi cụ Ch chết, đến ngày 20/8/2013 thì ông Tô Văn C được thừa kế và tiếp tục sử dụng toàn bộ phần đất này. Đất của ông C giáp với đất của ông Mai Viết S, ông Mai Viết S1 đang sử dụng tại thửa 663, 664, 650.

Nguồn gốc đất của ông S và ông S1 đang sử dụng là của cụ Vương Thị B để lại. Ngày 15/6/1999, cụ B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ vào sổ cấp giấy 00005 trong đó có các thửa 663, 664, 650 tổng diện tích 13.337m². Sau khi cụ B chết, toàn bộ phần đất này do các con của cụ B gồm Mai Viết S1, Mai Viết S, Mai Thanh T được thừa kế và tiếp tục sử dụng nhưng chưa sang tên quyền sử dụng đất theo quy định. Các đồng thừa kế là các con của cụ B gồm: Mai Thị T, Mai Thanh T, Mai Hồng V, Mai Thị D, Mai Thị Đ, Mai Viết S, Mai Viết S1 cùng thống nhất phần đất này trước khi chết cụ B đã chia cho ông S, ông S1 và ông T quản lý, sử dụng và không ai phát sinh tranh chấp về thừa kế. Đất của ông S và ông S1 đang sử dụng giáp với đất của ông C tại thửa 651, 661, 662.

[3.3]. Theo kết quả đo đạc thực tế thì phần đất của ông C đang sử dụng ổn định (chưa tính phần tranh chấp) tại vị trí (IIa), (IIb) tổng diện tích 15.387,7m². So với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp tại các thửa 651, 661, 662 tổng diện tích 14.674m² thì đất của ông C thừa 713,7m² ($15.387,7\text{m}^2 - 14.674\text{m}^2 = 713,7\text{m}^2$).

Phần đất của ông S đang sử dụng theo đo đạc thực tế (chưa tính phần tranh chấp) tại vị trí (IIIa), (IIIb) có diện tích 8.334m²; ông S1 đang sử dụng tại vị trí (IIIc) có diện tích 3.182,6m²; ông T đang sử dụng tại vị trí (IIId) có diện tích 420m²; tổng diện tích ông S, ông S1, ông T đang sử dụng thực tế có diện

tích 11.936,6m². Đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ B được cấp tại các thửa 663, 664, 650 tổng diện tích 13.337m² thì đất của ông S, ông S1, ông T đang sử dụng còn thiếu 1.401m² ($13.337\text{m}^2 - 11.936,6\text{m}^2 = 1.400,4\text{m}^2$). Như vậy, nếu cộng luôn phần đất tranh chấp thì đất ông S, ông S1 vẫn còn thiếu so với quyền sử dụng đất được cấp.

Tại thời điểm kê khai đăng ký, phần đất của các bên được tính từ vị trí giáp rạch Cái Nhum vào đến hết phần đất phía sau. Đất của cụ B được cấp không thể hiện kích thước cụ thể các cạnh theo hình thể của các thửa đất đang sử dụng. Đất của cụ Ch được cấp thì có kích thước cạnh ngang giáp lộ nông thôn tại thửa 661 là 41m; cạnh ngang đoạn giáp giữa thửa 661 và 662 có kích thước 50,6m; cạnh ngang phía sau thửa 662 là 35m; trong khi theo đi đạc thực tế thì cạnh ngang của các vị trí tương ứng này lần lượt là 47,07m, 50,45m và 38,48m. Như vậy, đất của ông C đang sử dụng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn còn thừa về kích thước chiều ngang trước giáp lộ và ngang phía sau, ngang đoạn giữa chỉ thiếu 0,15m.

[3.4]. Phần đất giáp ranh đang tranh chấp giữa hai bên hiện do ông S và ông S1 đang sử dụng. Theo kết quả xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, xác định được phần ranh giới giữa hai bên đã tồn tại như hiện trạng từ trước đến nay. Khi cụ B và cụ Ch còn sống đã có phát sinh tranh chấp phần ranh giới này và đã được chính quyền địa phương hòa giải vào năm 2009, hai bên thống nhất cặm trụ đá phân ranh rõ ràng, hiện trụ đá cũng vẫn còn. Thực tế thì hai bên đã sử dụng đất ổn định lâu dài; ông S và ông S1 quá trình sử dụng đất không làm thay đổi hiện trạng phần ranh giới liền kề giữa hai bên. Do đó, có cơ sở xác định ông S và ông S1 không lấn ranh nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, ổn định phần đất tranh chấp cho ông S và ông S1 tiếp tục sử dụng theo đo đạc thực tế diện tích 792,9m².

[4]. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Tô Văn C phải chịu 19.150.000đ, đã nộp xong.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Tô Văn C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng 99, 100, 203 Luật đất đai năm 2013.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn C về việc đòi ông Mai Viết S, ông Mai Viết S1 trả phần đất ranh giới bị lấn, chiếm.

2. Ôn định cho ông Mai Viết S được quyền sử dụng đất diện tích 609,2m² tại một phần thửa 650 (loại đất cây lâu năm), một phần thửa 664 (loại đất cây lâu năm), một phần thửa 663 (loại đất trồng lúa) thuộc tờ bản đồ số 2; tọa lạc tại ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Diện tích, kích thước thể hiện tại vị trí (Ia), (Ic) theo Mảnh trích đo địa chính số 96/SHC ngày 28/10/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc Tài nguyên và Môi trường Sông Hậu.

3. Ôn định cho ông Mai Viết S1 được quyền sử dụng đất diện tích 183,7m² tại một phần thửa 664, loại đất cây lâu năm thuộc tờ bản đồ số 2; tọa lạc tại ấp N, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Diện tích, kích thước thể hiện tại vị trí (Ib) theo Mảnh trích đo địa chính số 96/SHC ngày 28/10/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc Tài nguyên và Môi trường Sông Hậu.

4. Về án phí: Ông Tô Văn C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông Tô Văn C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006862 lập ngày 02/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Tô Văn C phải chịu 19.150.000đ (mười chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), ông Tô Văn C đã nộp xong.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thừa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa